TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:330/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v Ly hôn, con chung
giữa anh S, chị X

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HH tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long – Kiểm sát viên.

Ngày 21-11-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HH mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 244/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Tiến S, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 8, xã Hải T, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị X, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 8, xã Hải T, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Có mặt anh S, chị X).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Tiến S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tiến S và chị Trần Thị X kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Hải T, huyện HH, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24-12-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố đẻ của anh S, đến tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường

xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Từ tháng 3-2019 đến nay, anh S và chị X đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh S làm đơn xin được ly hôn chị X.

Về con chung: Anh S và chị X có 02 con chung là cháu Phạm Thị Kim Thư, sinh ngày 13-3-2014 và cháu Phạm Bảo Lâm, sinh ngày 24-10-2016, hiện cả hai con chung đang do chị X nuôi dưỡng nên khi ly hôn nguyện vọng của anh S nhất trí để chị X nuôi dưỡng con chung, anh S cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị X mỗi cháu là 1.000.000đ, mỗi tháng.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Phạm Tiến S xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10-9-2019 và quá trình xét xử, bị đơn chị Trần Thị X có lời khai phù hợp với lời khai của anh S về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị X, trước đây vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2018 anh S đi làm kinh tế ở tỉnh Quảng Ninh đã có biểu hiện không chung thủy với chị X, thường về nhà lấy lý do, viện cớ để chửi bới chị nên hai người đã sống ly thân từ tháng 3-2019 đến nay, nhưng bản thân chị Xuân vẫn tha thứ cho anh S. Mặt khác, chị X là người theo đạo Thiên chúa, giáo lý không cho phép ly hôn nên chị X không đồng ý ly hôn anh S.

Về con chung: Chị X xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh S trình bày. Nếu ly hôn, chị X xin được nuôi cả 02 con và yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị X mỗi cháu là 1.000.000đ, mỗi tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung. Chị X xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai nên chị cũng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HH phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phám và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Phạm Tiến S ly hôn với chị Trần Thị X. Về con chung, giao 02 con chung cho chị X nuôi dưỡng, anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị X mỗi cháu 1.000.000đ một tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Tiến S và chị Trần Thị X là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải T, huyện HH, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 24-12-

2013. Do tính tình quan điểm lối sống khác biệt và trong cuộc sống và thiếu tin tưởng nhau nên từ tháng 12 năm 2018 vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau. Tháng 3 năm 2019, anh S và chị X đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay nên anh S đề nghị xin được ly hôn với chị X.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Tiến S đối với chị Trần Thị X thì thấy: Trong cuộc sống vợ chồng, do tính tình hai người không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau, đến nay anh S và chị X đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2019, nhưng 02 bên không có biện pháp nào để hai người về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Về con chung: Anh Phạm Tiến S và chị Trần Thị X có 02 con chung là cháu Phạm Thị Kim Thư, sinh ngày 13-3-2014 và cháu Phạm Bảo Lâm, sinh ngày 24-10-2016, hiện đang do chị X nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh S và chị X đã thỏa thuận để 02 con chung cho chị X nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị X mỗi cháu 1.000.000đ một tháng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của 02 cháu cần tiếp tục giao 02 cháu cho chị X nuôi dưỡng và cần buộc anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị X như thỏa thuận của các bên là phù hợp. Anh S được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc anh S thực hiện quyền thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung và công nợ: Anh S và chị X xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Phạm Tiến S phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Tiến S và chị Trần Thị X.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Phạm Thị Kim Thư, sinh ngày 13-3-2014 và cháu Phạm Bảo Lâm, sinh ngày 24-10-2016 cho chị Trần Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Phạm Tiến S phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị X mỗi cháu 1.000.000đ một tháng kể từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Phạm Tiến S phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001803 ngày 10-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HH; anh S còn phải nộp 150.000đ.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện HH: 1 bản;
- UBND xã Hải T: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái